

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

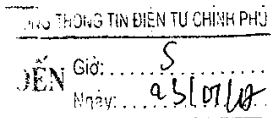
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 93/2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh An Giang



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 01 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện), xe gắn máy (kể cả xe máy điện), xe mô tô, xe ô tô tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

1. Giá dịch vụ trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe do Nhà nước đầu tư:

a) Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe trong phạm vi khuôn viên bệnh viện, trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

b) Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe trong phạm vi quản lý của các đơn vị quản lý các tụ điểm vui chơi, giải trí, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao.

c) Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe trong phạm vi khu vực chợ được Nhà nước giao cho Ban Quản lý chợ trực tiếp kinh doanh khai thác và quản lý.

2. Giá dịch vụ trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe không do Nhà nước đầu tư:

a) Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe trong phạm vi khuôn viên siêu thị, trung tâm thương mại, các bệnh viện, trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, khai thác và quản lý.

b) Các điểm trông giữ xe trong phạm vi nhà ở của nhân dân.

3. Không thu giá dịch vụ trông giữ xe của người đến giao dịch, làm việc tại các cơ quan theo Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng xe đạp (kể cả xe đạp điện), xe gắn máy (kể cả xe máy điện), xe mô tô, xe ô tô có nhu cầu trông giữ xe tại các điểm, bãi trông giữ xe.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc cung ứng dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Thời gian trông giữ xe

1. Thời gian ban ngày: từ 05 giờ đến 22 giờ.

2. Thời gian ban đêm: từ sau 22 giờ đến trước 05 giờ sáng hôm sau.

Điều 4. Quy định giá dịch vụ trông giữ xe

1. Tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe do Nhà nước đầu tư:

a) Tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe trên địa bàn tỉnh An Giang:

Số TT	Loại phương tiện	Mức giá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)			
		Giữ xe theo lượt (đồng/lượt)			Giữ xe tháng (đồng/tháng)
		Ban ngày	Ban đêm	Cả ngày và đêm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000	3.000	50.000
2	Xe gắn máy, xe máy điện, xe mô tô	2.000	4.000	6.000	100.000
3	Xe ô tô dưới 12 ghế ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 01 tấn	5.000	10.000	15.000	150.000
4	Xe ô tô từ 12 đến 30 ghế ngồi, ô tô tải có trọng tải từ 01 tấn đến dưới 05 tấn	10.000	20.000	30.000	300.000
5	Xe ô tô trên 30 ghế ngồi, ô tô tải có trọng tải trên 05 tấn	20.000	40.000	60.000	600.000

b) Tại các điểm đỗ, bãi giữ xe thuộc khu vực danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa:

Số TT	Loại phương tiện	Mức giá (đồng/lượt) (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)		
		Ban ngày	Ban đêm	Cả ngày và đêm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)
1	Xe đạp, xe đạp điện	2.000	3.000	5.000
2	Xe gắn máy, xe máy điện, xe mô tô	4.000	6.000	10.000
3	Xe ô tô dưới 12 ghế ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 01 tấn	10.000	15.000	25.000
4	Xe ô tô từ 12 đến 30 ghế ngồi, ô tô tải có trọng tải từ 01 tấn đến dưới 05 tấn	20.000	30.000	50.000
5	Xe ô tô trên 30 ghế ngồi, ô tô tải có trọng tải trên 05 tấn	40.000	60.000	100.000

c) Tại các điểm đỗ, bãi giữ xe thuộc khu vực trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

Số TT	Loại phương tiện	Mức giá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)			
		Giữ xe theo lượt (đồng/lượt)			Giữ xe tháng (đồng/tháng)
		Ban ngày	Ban đêm	Cả ngày và đêm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)
1	Xe đạp, xe đạp điện	500	1.000	1.500	25.000
2	Xe gắn máy, xe máy điện, xe mô tô	1.000	2.000	3.000	50.000

2. Tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe không do Nhà nước đầu tư:

a) Giá dịch vụ trông giữ xe tối đa (ban ngày):

Số TT	Loại phương tiện	Mức giá tối đa (đồng/lượt) (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)
(1)	(2)	(3)
1	Xe đạp, xe đạp điện	2.000
2	Xe gắn máy, xe máy điện, xe mô tô	4.000
3	Xe ô tô các loại	20.000

b) Đối với việc trông giữ xe ban đêm thì có thể áp dụng mức giá cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức giá ban ngày nêu tại Điểm a Khoản này. Trường hợp trông giữ xe cả ngày và đêm thì mức giá tối đa bằng mức giá ban ngày cộng với mức giá ban đêm.

c) Đối với việc trông giữ xe tại các địa điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa thì có thể áp dụng mức giá cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức giá quy định tại Điểm a, b Khoản này.

d) Mức giá theo tháng tối đa không quá năm mươi (50) lần mức thu ban ngày nêu tại Điểm a Khoản này.

đ) Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe đạp, xe đạp điện, xe gắn máy, xe máy điện, xe mô tô ở các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề thì mức giá bằng 50% mức giá nêu tại Điểm a, b Khoản này.

e) Trên cơ sở mức giá tối đa nêu trên, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có hoạt động dịch vụ trông giữ xe quy định mức giá dịch vụ trông giữ xe nhưng tối đa không được cao hơn mức giá của từng loại phương tiện theo quy định tại Khoản này.

Điều 5. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khai thác dịch vụ trông giữ xe

1. Sử dụng mặt bằng và tổ chức trông giữ xe phải đúng với địa điểm được cơ quan có thẩm quyền cho phép, không vi phạm hành lang lộ giới và đảm bảo an toàn, trật tự. Trong quá trình thực hiện việc trông giữ xe không được làm ảnh hưởng đến giao thông, môi trường, phòng cháy, chữa cháy.

2. Chấp hành việc niêm yết công khai mức giá dịch vụ của từng loại phương tiện tại địa điểm thu theo quy định và thu đúng theo mức giá đã niêm yết.

3. Khi thu tiền phải cấp chứng từ thu cho đối tượng nộp tiền theo quy định.

4. Thực hiện đăng ký kinh doanh với cơ quan có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định.

5. Đăng ký, kê khai, nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

6. Chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định cho chủ xe gửi tại địa điểm trông giữ xe nếu xảy ra trường hợp mất mát, hư hỏng.

Điều 6. Trách nhiệm của sở, ngành liên quan và địa phương

1. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải:

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan xây dựng phương án điều chỉnh mức giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh phù hợp tình hình thực tế, bảo đảm khả năng chi trả hợp lý của người dân và hỗ trợ phát triển cho doanh nghiệp;

Việc điều chỉnh mức giá thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 177/2013/NĐ - CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm cơ quan thuế:

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ trông giữ xe trong việc sử dụng chứng từ thu; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức thực hiện việc thu giá dịch vụ trông giữ xe theo quy định tại Quyết định này trên địa bàn.

b) Quy định địa điểm trông giữ xe theo địa bàn quản lý.

c) Chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch hướng dẫn các cơ sở kinh doanh trông giữ xe thực hiện nghiêm túc việc đăng ký kinh doanh theo quy định.

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện thu giá dịch vụ trông giữ xe của các tổ chức, cá nhân trông giữ xe trên địa bàn.

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ trông giữ xe theo địa bàn quản lý để kịp thời chấn chỉnh những sai phạm (nếu có) của tổ chức, cá nhân có hoạt động dịch vụ trông giữ xe.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công thương, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: /

- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Báo & Đài PTTH An Giang;
- Công thông tin điện tử An Giang;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban & trung tâm;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Lê Văn Nưng